

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2021

“Về việc ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoa K, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bờ Đập, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Phong, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1943 (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1943 (Vắng mặt)

Cùng trú: ấp Bờ Đập, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Lê Xô Gh, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 và các lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Hoa K trình bày:

Về hôn nhân: Chị K và anh V kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2017 tại UBND xã Trần Phán, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Chị K và anh V sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V sống chung với người phụ nữ khác nên bỏ mặt chị, từ đó vợ chồng không còn tình cảm và thường xuyên xảy ra những bất đồng. Chị K và anh V ly thân từ tháng 06 năm 2019 cho đến nay. Chị K xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị K trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Trần Lê Gia Tường, sinh năm 2018. Hiện nay con đang sống chung với chị K. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu tiếp tục được nuôi con, yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị K trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung:

Nợ tiền ông Lê Văn Tr số tiền 85.000.000 đồng.

Nợ vàng bà Nguyễn Thị Ngh 05 chỉ vàng 24k.

Nợ tiền Lê Xô Gh 50.000.000 đồng.

Chị K yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cùng với chị trả số nợ nêu trên.

Đối với anh Trần Văn V, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh V biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 nhưng anh V không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh V để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh V không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị K. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ lần thứ hai anh V vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn V có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Lê Thị Hoa K khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn V và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh V kết hôn ngày 22/02/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị K và anh V không còn chung sống với nhau từ tháng 06 năm 2019 cho đến nay. Đối với anh V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt không lý do, đồng thời anh V cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh V đồng ý với yêu cầu của chị K. Hội đồng xét xử xét thấy, chị K và anh V đã ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay tuy thời gian không dài nhưng anh V không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị K trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Trần Lê Gia Tường, sinh năm 2018. Hiện nay con đang sống chung với chị K. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu tiếp tục được nuôi con, yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với anh V, Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với anh V được về việc yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu Tường đã sống chung với chị K từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao cháu Trần Lê Gia Tường cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp. Anh V là cha của cháu Tường vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

[4] Về tài sản chung: Chị K trình vợ chồng không có tài sản chung, anh V không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa chị K xin rút toàn bộ yêu cầu phần trả nợ chung với V. Đối với ông Lê Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngh và anh Lê Xô Ril rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu chị K và anh V trả nợ. Xét thấy đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của chị K, ông Tr, bà Ngh và anh Ril phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K phải chòu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hoa K được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Giao cho chị K được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Lê Gia Tường, sinh năm 2018.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Gia Tường mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29/01/2021 cho đến khi con thành niên.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thị Hoa K, ông Lê Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngh và anh Lê Xô Ril về việc buộc anh Trần Văn V trả nợ.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị K có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004618 ngày 24/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh V phải chịu 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Lê Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngh và anh Lê Xô Ril không phải chịu án phí dân sự, trả lại cho ông Lê Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngh số tiền dự nộp án phí là 2.637.000 đồng theo biên lai thu số 0005118 ngày 10/02/2020; trả lại cho anh Lê Xô Ril số tiền dự nộp án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0005117 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị K, ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh V, bà Ngh và anh Ril được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Đông Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính